TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** --- Bản án số:**10/2022/HNGĐ-ST** Ngày: 06-01-2022 *V/v: Tranh chấp ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Thịnh Quang Thắng.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Trần Thị Đông**

2/ Bà **Lê Thị Thu Lý**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Hải Yến** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 408/2021/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Anh Nguyễn Viết H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt*

Bị đơn: *Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2021, các lời khai bổ sung, anh Nguyễn Viết H - nguyên đơn trình bày:***

- Về tình cảm: Anh với chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 28/10/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã P, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết vợ chồng anh về chung sống với gia đình anh tại thôn Thôn L, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần mâu thuẫn. Đến năm 2013, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do anh có quan hệ ngoại tình bên ngoài bị chị L biết. Sau đó vợ chồng lại hàn gắn lại quan hệ tình cảm. Đến năm 2020, vợ chồng tiếp tục lại xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là chị L có quan hệ ngoại tình. Cụ thể chị L có quan hệ ngoại tình với ai thì anh không biết chính xác tên tuổi địa chỉ. Anh chỉ lưu giữ hình ảnh và tin nhắn của chị L với người đó. Anh chưa lần nào bắt quả tang chị L có

quan hệ ngoại tình. Sau đó, anh cùng chị L về nhà bên nhà bố mẹ đẻ chị L và nói chuyện với gia đình chị L. Một thời gian sau, anh bình tĩnh lại thì vợ chồng lại quay về với nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2021. Chị L hiện ở cùng bố mẹ anh tại thôn Thôn L, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Anh hiện đang ở thôn K, xã H, thị xã T, Bắc Ninh và rất ít khi về nhà. Vợ chồng hiện không quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Anh xác định không thể chung sống được với nhau nữa và anh xác định tình cảm không còn. Anh xin ly hôn chị L. Anh kiên quyết xin ly hôn chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Viết Q, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Viết D, sinh ngày 19/5/2013. Hiện nay các con đang ở với chị L và bố mẹ anh ở thôn Thôn L, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung. Nếu chị L không đồng ý thì anh cũng nhất trí để chị L nuôi dưỡng cả hai con. Anh cấp dưỡng nuôi con chung với chị L 6.000.000đ/tháng/2 cháu. Anh không đồng ý với cấp dưỡng nuôi con mà chị L yêu cầu là 8.000.000đ/tháng/1 cháu. Lý do vì mức đó cấp dưỡng đó quá cao so với thu nhập hiện tại của anh. Anh hiện đang lao động tự do và thu nhập trung bình 10.000.000đ/tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức: Hiện nay nhà đất là của bố mẹ anh. Vợ chồng có xây dựng 1 công trình phụ trị giá 90.000.000đ. Ly hôn, anh thanh toán giá trị một nửa số tiền xây công trình phụ là 45.000.000đ cho chị L. Anh đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án cho anh.

**** Chị Nguyễn Thị L là bị đơn trình bày:***

- Về tình cảm: Chị với anh Nguyễn Viết H kết hôn ngày 28/10/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã P, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết chị về chung sống với gia đình anh H tại thôn Thôn L, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ngoại tình. Chị chỉ biết anh H ngoại tình với chị Đào Thị Q1 ở Bắc Giang. Địa chỉ của chị Q1 ở Bắc Giang chị không nhớ cụ thể do chị làm mất hết thông tin. Sau đó chị đã tha thứ cho anh H để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục chung sống. Đến năm 2018, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H ngoại tình với chị H1 ở Hà Nam. Họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể chị không biết. Chị biết anh H ngoại tình với chị H1 là do chồng chị Hằng cung cấp thông tin cho chị. Chị lưu vào máy điện thoại nhưng anh H đã xóa hết của chị nên chị không còn tài liệu thông tin gì cung cấp cho Tòa án. Đến đầu năm 2021, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vẫn là do anh H ngoại tình. Anh H ngoại tình với chị T ở Bình Dương. Họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể của chị Thơm chị không biết. Chị đọc được tin nhắn trên điện thoại của anh H. Hơn nữa anh H là người kinh doanh nên đi lại vào Bình Dương là thường xuyên. Những lần anh H ngoại tình thì có lần đầu tiên năm 2013, chị đã bắt quả tang anh H và chị Q1 tại thôn Cổ Điển, Hải Bối có quan hệ ngoại tình. Chị không báo cáo chính quyền địa phương, công an can thiệp. Lý do vì chị không muốn làm ầm ĩ lên mà chỉ muốn gia đình tự giải quyết và gia đình cũng đã

hòa giải một lần. Đến đầu năm 2021, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Lý do vì sao chị cũng không rõ nhưng anh H kinh doanh ở Bắc Ninh không về nhà. Chị cũng không biết lý do vì sao. Chị có nói chuyện với anh H và bảo anh H chuyển tiền về nuôi con nhưng anh H không nói chuyện với chị. Sau đó, anh H không liên lạc với chị. Chị không có quan hệ ngoại tình như anh H trình bày. Đúng là chị có chat với bạn cùng công ty nhưng đó chỉ là tín nhắn bạn bán chứ không phải như anh H trình bày là chị ngoại tình với người khác .

Nay quan điểm chị xác định vẫn còn tình cảm với anh H, chị không đồng ý ly hôn anh H. Lý do vì các con chị còn nhỏ và chị vẫn còn tình cảm với anh H nên chị không đồng ý ly hôn. Chị đã cố gắng đảm nhiệm rất nhiều vấn đề của gia đình để cho anh H đi làm. Chị cũng đã nói với anh H nhưng anh H bảo chị đừng nói nữa, nhắn tin gọi điện cho anh H nhưng anh H không nghe. Do đó, chị không thể có cách nào để nói với anh H. Chị mong muốn anh H suy nghĩ lại. Vợ chồng có lỗi lầm gì thì bỏ qua và tự sửa chữa để vợ chồng về đoàn tụ. Ngoài ra chị không có biện pháp gì khác. Chị kiên quyết không đồng ý ly hôn. Do tính anh H rất là nóng lên chị không muốn nói chuyện nhiều với anh H, vì nếu nói dễ xảy ra xô xát để các con nhìn thấy thì chị không muốn. Chị muốn gọi điện nói chuyện níu kéo anh H nhưng anh H không nghe, không nói nên chị không có biện pháp gì.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Viết Q, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Viết D, sinh ngày 19/5/2013. Hiện nay hai cháu vẫn đang ở cùng chị và ông bà nội. Nếu phải ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung. Vì chị đã chăm sóc các con từ bé. Anh H làm ăn kinh doanh đi suốt ngày nên không có thời gian chăm con. Vì vậy, nếu ly hôn chị muốn nuôi cả hai con. Chị không đồng ý để anh H nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với chị 8.000.000đ/1 tháng/ 1 cháu. Hiện nay chị đang làm công nhân tại nhà máy Canon - Khu công Tiên Sơn. Thu nhập bình quân 8.500.000đ/1 tháng.

- Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nhà đất: Hiện nay nhà đất là của bố mẹ chồng. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức: Khi chị về làm dâu thì vợ chồng có xây dựng 1 công trình phụ trị giá 90.000.000đ. Nếu phải ly hôn, hai bên thỏa thuận, anh H tự nguyện thanh toán chị giá trị một nửa công trình là 45.000.000đ và chị đề nghị Tòa án ghi vào bản án.

*** Tại phiên tòa:**

+ Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị L; Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Viết Q, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Viết D, sinh ngày 19/5/2013. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị L không đồng ý thì anh cũng nhất trí để chị L nuôi dưỡng cả hai con. Anh cấp dưỡng nuôi con chung với chị L 6.000.000đ/tháng/2 cháu. Về tài sản chung, nhà đất, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án

giải quyết; về công sức: Anh tự nguyện thanh toán một nửa giá trị công trình phụ mà vợ chồng xây dựng trị giá 45.000.000đ cho chị L.

+ Chị L trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn anh H. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày. Ly hôn, tại phiên tòa hôm nay chị nhất trí để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc chị để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung của chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nhà đất, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công sức: Chị nhất trí về việc anh H tự nguyện thanh toán một nửa giá trị công trình phụ mà vợ chồng xây dựng trị giá 45.000.000đ cho chị.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy anh H xin ly hôn chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Về con chung: Anh chị đều xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Viết Q, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Viết D, sinh ngày 19/5/2013. Ly hôn, hai bên thống nhất để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H cũng nhất trí. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao 02 con chung cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nhà đất, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công sức: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị L, Anh H tự nguyện thanh toán một nửa giá trị công trình phụ mà vợ chồng xây dựng trị giá 45.000.000đ cho chị L.

- Về án phí LHST: Anh H phải chịu cả

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**: Anh Nguyễn Viết H và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 28/10/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã P, tỉnh Hà Nam. Anh H xin ly hôn chị Nguyễn Thị L. Chị L hiện đang cư trú tại thôn Thôn L, xã V, huyện Đ, Hà Nội. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng: Theo anh H trình bày thì vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày khiến cho cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2021. Chị L xác định vợ chồng có mâu thuẫn và vợ chồng cũng đã ly thân từ tháng 2/2021. Chị không đồng ý ly hôn là vì con cái còn nhỏ và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy: Quá trình xác minh tại địa phương, gia đình anh H cho thấy mâu thuẫn của anh H và chị L là có thật. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân một thời gian không ai quan tâm chăm sóc và có trách nhiệm với nhau. Chị L không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Tòa án đã tổ chức nhiều lần hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng không thành. Do đó, nhận thấy anh H, chị L có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc anh H xin ly hôn chị L là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh H, chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Viết Q, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Viết D, sinh ngày 19/5/2013. Ly hôn, anh H chị L đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Anh H trình bày nếu chị L không đồng ý để anh nuôi dưỡng cả hai con thì anh cũng nhất trí để chị L nuôi dưỡng cả hai con. Tại phiên tòa hôm nay, chị nhất trí để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc chị để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung của chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Xét, Thỏa thuận của của anh chị để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với quy định của pháp luật .

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản, nợ chung: Anh H, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về công sức: Anh H, chị L chị xác định nhà đất là của bố mẹ anh H. Chị L, anh H xác định có xây dựng 1 công trình phụ trị giá 90.000.000đ. Ly hôn, hai bên thỏa thuận anh H thanh toán cho chị L giá trị một nửa công trình là 45.000.000đ và đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án. Xét thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của anh H thanh toán một nữa giá trị công trình anh chị xây dựng là 45.000.000đ

[5] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối phần giá trị anh H phải thanh toán cho chị L: Do đương sự thỏa thuận với nhau trước khi Tòa án hòa giải và đề nghị ghi vào bản án. Do đó, căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự không phải chịu án phí đối với thỏa thuận này.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Viết H đối với chị Nguyễn Thị L. Anh Nguyễn Viết H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Anh H, chị L có 02 con chung là Nguyễn Viết Q, sinh ngày 19/7/2009 và Nguyễn Viết D, sinh ngày 19/5/2013. Giao cháu Q, cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, thanh toán giá trị một nửa công trình phụ cho chị L trị giá 45.000.000đ

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong.

5. Về án phí LHST: 300.000đ anh H phải chịu cả nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2020/0045542 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh H đã nộp đủ án phí

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm. Anh Nguyễn Viết H, chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Thịnh Quang Thắng

Nơi nhận:
- *Các đương sự*
- *VKS Đông Anh*
- *THA Đông Anh.*
- *TAND thành phố Hà Nội*
- *UBND xã C*
- *Lưu hồ sơ.*